

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 6 - 2023

“V/v tranh chấp Hôn nhân
và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Kim Thúy

2. Bà Bùi Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà
H1 Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét
xử sơ thẩm công khai vụ thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm
2023 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 09/2023/QĐXX - ST ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hà Quốc H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn X, xã T,
huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Việt H1, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường
trú: Thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú hiện nay: Cộng hòa nhân
dân Ba Lan (không rõ địa chỉ cụ thể) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08/02/2023 và những lời khai tiếp theo
tại phiên tòa nguyên đơn anh Hà Quốc H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Việt H1 đăng ký kết hôn ngày 28/12/2011 tại UBND xã
T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung
sống tại nhà anh ở Thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu vợ chồng
chung sống hòa thuận, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng
không hợp nhau, không tôn trọng lẫn nhau và thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mặc
dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu
thuẫn trầm trọng nên năm 2019 chị H1 đã đi khỏi nhà, anh chị sống ly thân từ đó

đến nay không có quan hệ tình cảm với nhau. Theo anh được biết, vợ anh là Nguyễn Việt H1 hiện đang đi xuất khẩu tại Ba Lan nhưng anh không biết địa chỉ cụ thể, không biết chị H1 đi xuất khẩu theo Công ty nào hoặc theo diện gì. Đã 04 năm anh chị không có liên hệ gì với nhau. Đến nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị H1.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu M, sinh năm 2012 và cháu C, sinh năm 2016. Hiện cả hai cháu đang ở với anh. Ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 2 cháu và không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa anh H trình bày thu nhập hiện tại của anh khoảng 20.000.000đ/tháng, đủ khả năng nuôi dưỡng 02 con.

Về tài sản, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Mai Thị H2 (mẹ đẻ chị Nguyễn Việt H1) xác định: Năm 2011, chị H1 kết hôn với anh H và chuyển về ở nhà anh H tại huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình anh chị chung sống, bà được biết giữa hai vợ chồng chị H1, anh H có mâu thuẫn; gia đình bà cũng khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả vì vậy chị H1 đã đi xuất khẩu lao động ở Ba Lan từ năm 2019 đến nay chưa về. Gia đình bà vẫn thường xuyên liên lạc với chị H1 qua điện thoại và mạng xã hội, bà đã thông báo cho chị H1 biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn giữa chị và anh H, mỗi khi Tòa án gửi văn bản tố tụng gì, bà đều thông báo ngay cho chị H1, quan điểm của chị H1 là đồng ý ly hôn với anh H. Bà có hỏi chị H1 địa chỉ của chị ở Ba Lan để Tòa án gửi giấy tờ sang nhưng chị H1 không nói địa chỉ cho bà biết, chỉ nói lại là chị đồng ý ly hôn với anh H và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tòa án xác minh tại UBND xã T, huyện S - nơi chị H1 và anh H đăng ký kết hôn thể hiện: Anh H và chị H1 kết hôn với nhau ngày 28/12/2011 tại UBND xã T, sau khi cưới, chị H1 về gia đình anh H làm dâu. Trong quá trình chung sống, địa phương được biết anh chị tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi, chửi nhau. Hiện tại chị H1 không còn chung sống cùng gia đình anh H nữa. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu M, sinh ngày 30/11/2012 và cháu C, sinh ngày 10/8/2016, hiện nay hai cháu đang ở với anh H. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được thông báo việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc nhưng không hợp tác gửi bản tự khai và quan điểm giải quyết về cho Tòa án; Tòa án đã yêu cầu gia đình chị H1 cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo hướng dẫn tại Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 19, 56, 57, 81, 82, 83

Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Quốc H, cho anh H ly hôn với chị H1. Giao cháu M, sinh ngày 30/11/2012 và cháu C, sinh ngày 10/8/2016 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Việt H1 hiện đang ở nước ngoài theo xác định tại Công văn số 4353/QLXNC-P5 ngày 06/3/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an. Cụ thể, chị H1 đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 23/3/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Chị H1 đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng tại Thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị H1 cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà Mai Thị H2 là mẹ đẻ chị H1 cho biết: Gia đình bà vẫn thường xuyên liên lạc với chị H1 qua điện thoại và mạng xã hội, bà đã thông báo cho chị H1 biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn giữa chị và anh H, quan điểm của chị H1 là đồng ý ly hôn với anh H. Bà có hỏi chị H1 địa chỉ của chị H1 ở nước ngoài để Tòa án gửi giấy tờ sang nhưng chị H1 không nói địa chỉ cho bà biết, chỉ nói lại là không còn tình cảm với anh H, đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định.

Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi cư trú trước khi xuất cảnh của chị H1 tại thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng chị H1 không có mặt tại Toà án. Do vậy, căn cứ khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H1 theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[3] Xét đơn xin ly hôn của anh Hà Quốc H với chị Nguyễn Việt H1; Hội đồng xét xử thấy: Chị H1 và anh H kết hôn với nhau ngày 28/12/2011 tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không tôn trọng lẫn nhau và thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng nên năm 2019 chị H1 đã đi khỏi nhà và ra nước ngoài xuất khẩu lao động, anh chị sống ly thân từ đó đến nay không có quan hệ tình cảm với nhau cũng không liên hệ gì với nhau. Hội đồng xét xử thấy: Trước khi chị H1 đi xuất khẩu lao động, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình hòa giải

nhưng không thành, từ năm 2019 - khi chị H1 đi xuất khẩu lao động đến nay là hơn 04 năm, chị H1 không về nước thăm và đoàn tụ với anh H lần nào, vợ chồng cũng không liên hệ gì với nhau; anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án cho ly hôn, chị H1 thông qua thân nhân cũng thể hiện quan điểm không còn tình cảm gì với anh H.

Trên cơ sở các tài liệu như trên thấy rằng, anh H và chị H1 không còn quan hệ tình cảm, chị H1 hiện đang làm ăn tại Ba Lan từ năm 2019 đến nay chưa về nên khoảng cách về địa lý làm cho khả năng đoàn tụ là khó khăn, vì vậy tình trạng hôn nhân của anh H, chị H1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, cho anh H được ly hôn chị H1.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu M, sinh năm 2012 và cháu C, sinh năm 2016. Từ khi chị H1 đi nước ngoài đến nay, anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Đến nay, anh H có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 chung, thu nhập của anh 01 tháng khoảng 20.000.000đ có đủ khả năng để nuôi con. Xét thấy, chị H1 đang ở nước ngoài nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung của anh H là tự nguyện và chính đáng nên cần giao 02 cháu M, sinh năm 2012 và cháu C, sinh năm 2016 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H1 không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung do anh H không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa là có cơ sở, cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho anh Hà Quốc H được ly hôn chị Nguyễn Việt H1.
2. Về con chung: Giao cháu M, sinh ngày 30/11/2012 và cháu C, sinh ngày 10/8/2016 cho anh Hà Quốc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Việt H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Đương sự không đề nghị nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002680 ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự huyện S.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND thị xã T, huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND thị xã T, huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền